TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ D** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 102/2023/HSST *22 – 11 – 2023*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thuận

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Liên; ông Nguyễn Văn Hoằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D*** tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 89/2023/TLST – HS ngày 12 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST ngày 08 tháng 11 năm 2023 đối với:

- Bị cáo: Phạm Văn L, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Từ ngày 24/6/2023 đến ngày 02/7/2023. Hiện bị cáo đang bị áp dung biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

* Bị hại: Chị Đỗ Thanh T, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường A, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Diệp X, sinh năm 2004, nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường A, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị Minh H2, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ dân phố P, phường A, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tổ dân phố L2, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt

- Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ dân phố Tr, phường M, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt

- Anh Vũ Văn T2, sinh năm 1984, nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố Q, phường M,

thị xã D, tỉnh Hà Nam, nơi ở hiện nay: Tổ dân phố V, phường A, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt

- Bà Phạm Thị O, sinh năm 1973, nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường A, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1967, nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; có mặt

- Anh Dương Tiến C, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn K, xã B, thành phố L3, tỉnh Hà Nam; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 23/6/2023, Phạm Văn L cùng anh Nguyễn Văn Y đến sửa bình lọc nước trên tum tầng ba nhà bà Phạm Thị O, sinh năm 1973 trú tại TDP V, phường A, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Trong lúc anh Y cùng chồng bà O là ông Đỗ Công M2 sinh năm1960 đang ở tum tầng ba thì L xuống tầng một cầm cờ lê mang lên cho anh Y. Khi đi qua tầng hai, L quan sát không có người nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau khi mang đồ để đưa anh Y sửa chữa, L một mình đi xuống tầng 2 vào phòng phía bên phải đi từ cầu thang dưới tầng 1 lên, do cửa phòng chị Đỗ Thanh T (con dâu bà O) đóng, L đẩy cửa đi vào trong phòng thấy chiếc tủ nhựa màu xanh nhạt có nhiều ngăn kệ phía bên phải sát với cửa ra vào, L mở ngăn tủ thứ hai từ trên xuống có một vỏ hộp điện thoại màu trắng, L dùng tay mở ra bên trong có 01 dây chuyền vàng 9999 loại 05 chỉ và các nhẫn tròn trơn bằng vàng 9999 (01 nhẫn loại 02 chỉ, 04 nhẫn loại 01 chỉ và 01 nhẫn loại 0,5 chỉ). Thấy vậy, L lấy toàn bộ số vàng này gồm 01 dây chuyền và 06 nhẫn tròn cho vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi tiếp tục kéo, mở ngăn tủ tầng thứ ba từ trên xuống. Thấy bên trong ngăn tủ này có chiếc ví nữ màu đỏ, L dùng tay mở chiếc ví ra thấy bên trong có cọc tiền 20.000.000 đồng gồm các tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng L lấy tiền cho vào túi quần phía trước bên phải đang mặc. Sau khi lấy trộm được số tiền và vàng trên, L đi xuống tầng một ngồi đợi rồi cùng anh Y đi về cửa hàng điện máy HB ở TDP Tr, phường M, thị xã D. Trên đường mang bản mạch điện tử đi vào trong xã U, huyện I để sửa, L đến cửa hàng vàng KT ở TDP P, phường A, thị xã D gặp và bán cho chị Lê Diệp X 03 nhẫn vàng loại tròn trơn được số tiền khoảng 20.000.000 đồng rồi L cùng anh Y đi uống bia ở cổng KCN A I, tại đây L có cho anh Y vay số tiền 15.000.000 đồng và L sử dụng số tiền 20.000.000 đồng để chơi game. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, L tiếp tục đến cửa hàng vàng MH ở TDP Nguyễn Hữu R, phường A, thị xã D gặp anh Nguyễn Văn H bán tiếp ba nhẫn vàng loại tròn trơn với tổng trọng lượng 2,5 chỉ được số tiền 13.730.000 đồng, rồi lại tiếp tục đi ra cửa hàng vàng TK ở TDP Nguyễn Hữu R, phường A, thị xã D gặp chị Nguyễn Thị Minh H2 bán chiếc dây chuyền vàng 9999 có trọng lượng 05 chỉ được số tiền là 26.100.000 đồng. Bán xong, L đi về nhờ anh Y chở đến cửa hàng xe máy TP ở TDP V, phường A, thị xã D gặp

anh Vũ Văn T2 để mua chiếc xe mô tô, BKS: 90B1-714.08 với giá 8.000.000 đồng. Sau khi về nhà anh Y tiếp tục vay L hai lần với tổng số tiền 15.000.000 đồng. Khi L về nhà thì bà Nguyễn Thị Ph (là mẹ đẻ) thấy L có nhiều tiền nên hỏi nhưng L không trả lời vì vậy bà Ph đã đến Công an phường Đ, thị xã D trình báo. Sau đó L đến Cơ quan Công an để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 mô tô, BKS: 90B1-714.08, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn trắng đen, số máy: JC52E-1271833, số khung: RLHJC5294DY021610; 01 di động Oppo, màu đỏ, đen, có IMEI 1: 866269040150173, IMEI 2: 866269040150165 (đã qua sử dụng); 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 066527, biển số đăng ký: 90B1-714.08 mang tên chủ xe: Dương Tiến C; Số tiền 17.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 37/KL – HĐ ngày 30/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã D: 01 dây chuyền vàng ta, có trọng lượng 05 chỉ, loại vàng 9999 có đơn giá 5.500.000 đồng/chỉ trị giá 27.500.000 đồng; 02 chiếc nhẫn tròn trơn vàng ta, mỗi chiếc có trọng lượng 02 chỉ, loại vàng 9999 có đơn giá 5.500.000 đồng/chỉ trị giá 22.000.000 đồng; 04 chiếc nhẫn tròn trơn vàng ta, mỗi chiếc có trọng lượng 01 chỉ, loại vàng 9999 có đơn giá 5.500.000 đồng/chỉ trị giá 22.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn tròn trơn vàng ta, có trọng lượng 0,5 chỉ, loại vàng 9999 có đơn giá 5.500.000 đồng/chỉ trị giá 2.750.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 13,5 chỉ vàng có giá trị là 74.250.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thanh T đã nhận lại số tiền 17.500.000 đồng, ngoài ra bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục, bồi thường cho chị T số tiền 76.750.000 đồng, chị T không yêu cầu gì thêm; anh Nguyễn Văn Y đã trả lại cho Phạm Văn L số tiền 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng vụ án: Ngày 30/8/2023, Cơ quan Điều tra Công an thị xã D đã xử lý vật chứng trả lại chị Đỗ Thanh T số tiền 17.500.000 đồng.

Cáo trạng số 95/CT - VKS – DT ngày 11/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã D truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt: bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết; về vật chứng: Trả lại Phạm Văn L: 01 điện thoại OPPO; 01 xe mô tô BKS 90B1 – 714.08 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 90B1 – 714.08; 01 giấy mua bán xe và tuyên án phí đối với bị cáo.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra không tranh luận gì. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra không có yêu cầu gì. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên:* Việc xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ chứng minh tội phạm, ban hành các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngay 23/6/2023 tại nhà bà Phạm Thị O, sinh năm 1973, ở tổ dân phố V, phường A, thị xã D, tỉnh Hà Nam, lợi dụng sơ hở không khóa cửa phòng, Phạm Văn L đã trộm cắp 11,5 chỉ vàng, loại vàng 9999 (gồm 01 dây chuyền vàng có trọng lượng 5 chỉ, 01 nhẫn vàng trơn có trọng lượng 02 chỉ, 04 nhẫn vàng trơn mỗi nhẫn có trọng lượng 01 chỉ và 01 nhẫn vàng trơn có trọng lượng 0,5 chỉ) và số tiền 20.000.000đ của chị Đỗ Thanh T. Tổng trị giá tài sản Phạm Văn L đã trộm cắp 83.250.000đ.

Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có nhân thân tốt; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi tội phạm chưa bị phát hiện bị cáo đã đến Công an phường Đ trình báo về hành vi phạm tội; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] *Về hình phạt:* Từ nhận định trên nhận thấy bị cáo có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu, do nhất thời bột phát; sau khi phạm tội đã tự thú; nay được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng vì thế không cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, xã hội tạo điều kiện cho bị cáo cải sửa mình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp với thực tế.

[5] *Về hành vi khác:* Đối với chị Lê Diệp X, chị Nguyễn Thị Minh H2, anh Nguyễn Văn H có hành vi mua vàng của L nhưng không hứa hẹn trước và không biết số vàng đó là tài sản do L trộm cắp mà có do vậy Cơ quan CSĐT Công an thị xã D không xem xét xử lý chị Lê Diệp X, chị Nguyễn Thị Minh H2 và anh Nguyễn Văn H về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn Y đã vay của Phạm Văn L 03 lần với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng nhưng anh Y không biết số tiền vay là tài sản do L trộm cắp mà có do đó Cơ quan CSĐT Công an thị xã D không xem xét xử lý anh Y là phù hợp.

Đối với anh Vũ Văn T2 đã bán chiếc xe máy BKS: 90B1-714.08 cho Phạm Văn L nhưng không biết số tiền L mua xe là tài sản do trộm cắp mà có được do đó Cơ quan CSĐT Công an thị xã D không xem xét xử lý anh T2 là phù hợp.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại chị Đỗ Thanh T đã nhận lại số tiền 17.500.000 đồng, bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện khắc phục, bồi thường cho chị T số tiền là 76.750.000 đồng, nay chị T không có yêu cầu gì thêm do đó không đặt ra giải quyết.

[7] *Về vật chứng vụ án:*

Đối với số tiền 17.500.000 đồng đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp chị Đỗ Thanh T là đúng.

Đối với 01 chiếc điện thoại OPPO màu đỏ đen, có số IMEI 1: 866269949150173, IMEI 2: 866269040150165 là tài sản của bị cáo không liên quan đến tội phạm; 01 xe mô tô Wave BKS 90B1 – 714.08 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 90B1 – 714.08; 01 giấy mua bán xe do bị cáo dùng tiền phạm tội để mua tuy nhiên bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho người bị hại vì vậy cần trả lại cho bị cáo những tài sản này;

[8] *Về án phí hình sự:* Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn L phạm tội: "*Trộm cắp tài sản".*

Xử phạt: Phạm Văn L 27 (Hai mươi bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 54 (Năm mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn L cho UBND phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trả lại Phạm Văn L: 01 điện thoại OPPO màu đỏ đen, có số IMEI 1: 866269949150173, IMEI 2: 866269040150165; 01 xe mô tô Wave BKS 90B1 – 714.08 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 90B1 – 714.08; 01 giấy mua bán xe;

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Phạm Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTC
- TAND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp Hà Nam;
- Công an D;
- VKSND D;
- THADS D;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Thuận